

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
VEXILLA VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 11/SVN/CBTT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 2 năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam

- Mã chứng khoán: SVN
- Địa chỉ: Phòng 14.21, Tầng 14, Tòa nhà Golden King, Số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0835790106 Fax: 024.37835103
- Email: solavina@solavina.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC 6 tháng năm 2025

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 30/08/2025 tại đường dẫn: <http://solavina.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC 6 tháng năm 2025
- Văn bản giải trình BCTC 6 tháng năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
VEXILLA VIỆT NAM**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



[Handwritten signature in blue ink]

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thiện



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA
VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM

Phòng 14.21, Tầng 14, Tòa nhà Golden King, Số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0101612880 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính) cấp lần đầu ngày 21/02/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 26/05/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ kế toán và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Michael Marc Lee	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Chiến	Thành viên HĐQT điều hành
Bà Lê Hải Châu	Thành viên HĐQT
Ông Phùng Thế Tài	Thành viên HĐQT
Ông Phan Minh Quang	Thành viên HĐQT

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Chiến	Tổng Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Chiến – Tổng Giám đốc.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM

Phòng 14.21, Tầng 14, Tòa nhà Golden King, Số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CAM KẾT VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Chiến

Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2025

Số: 2708.1/2025/BCSX/IAV

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 08 năm 2025, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này vào ngày 28 tháng 3 năm 2025.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã được soát xét bởi công ty kiểm toán độc lập nêu trên. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vào ngày 22 tháng 8 năm 2024.



ĐẶNG NGỌC KHÁNH

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2505 - 2024 - 283 -1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		152.126.069.461	53.925.772.784
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	267.824.253	3.465.293.716
1. Tiền	111		267.824.253	3.465.293.716
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		151.138.705.030	49.996.423.759
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	48.354.587.502	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	5.233.500.000	8.547.500.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.4	50.250.000.000	23.750.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	47.300.617.528	17.698.923.759
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		719.540.178	464.055.309
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	212.681.029	8.136.402
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		506.859.149	455.918.907
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		85.114.530.333	179.585.461.864
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.062.513.429	10.057.513.429
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	10.062.513.429	10.057.513.429
II. Tài sản cố định	220		72.905.464	91.131.826
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	72.905.464	91.131.826
- Nguyên giá	222		182.263.636	182.263.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(109.358.172)	(91.131.810)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.8	74.979.111.440	169.436.816.609
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		75.000.000.000	169.459.500.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(20.888.560)	(22.683.391)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		237.240.599.794	233.511.234.648

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
			VND	VND
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		11.328.399.095	8.834.668.573
I. Nợ ngắn hạn	310		11.328.399.095	8.834.668.573
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	4.223.016.099	1.985.522.845
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.10	27.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	317.189.087	124.288.158
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	8.001.370	9.438.904
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	135.916.963	98.143.090
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	6.600.000.000	6.600.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		17.275.576	17.275.576
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		225.912.200.699	224.676.566.075
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.15	225.912.200.699	224.676.566.075
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	210.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		87.934.868	87.934.868
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		136.465.222	136.465.222
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.742.309.481	13.515.749.878
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		13.515.749.878	13.054.109.552
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.226.559.603	461.640.326
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		945.491.128	936.416.107
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		237.240.599.794	233.511.234.648


Người lập biểu
Nguyễn Thị Thu Huyền


Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thu Huyền


Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Chiến


Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	26.052.968.400	41.876.230.700
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		26.052.968.400	41.876.230.700
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	25.822.215.800	41.491.761.170
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		230.752.600	384.469.530
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	2.290.723.437	990.396.724
7. Chi phí tài chính	22	5.4	284.708.457	271.156.986
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		286.503.288	271.156.986
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	1.146.206.217	866.436.228
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		1.090.561.363	237.273.040
11. Thu nhập khác	31	5.6	463.856.164	-
12. Chi phí khác	32	5.7	4.903.786	8.457.877
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		458.952.378	(8.457.877)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.549.513.741	228.815.163
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	310.819.117	53.724.354
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.238.694.624	175.090.809
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.228.808.346	176.561.096
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		9.886.278	(1.470.287)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.9	59	8
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.9	59	8


 Người lập biểu
 Nguyễn Thị Thu Huyền


 Kế toán trưởng
 Nguyễn Thị Thu Huyền


 Tổng Giám đốc
 Nguyễn Văn Chiến
 Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Ngày 29 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.549.513.741	228.815.163
2. Điều chỉnh cho các khoản			(1.987.788.618)	(701.013.376)
- Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	02		18.226.362	18.226.362
- Các khoản dự phòng	03		(1.794.831)	-
- Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư	05		(2.290.723.437)	(990.396.724)
- Chi phí lãi vay	06		286.503.288	271.156.986
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(438.274.877)	(472.198.213)
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09		(28.151.721.513)	(1.114.849.481)
- (Tăng), giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.303.793.436	2.701.542.556
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12		(204.544.627)	11.761.612
- Tiền lãi vay đã trả	14		(287.940.822)	(274.719.177)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(122.504.497)	(181.536.618)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(26.901.192.900)	670.000.679
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	(8.000.000.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(26.500.000.000)	(10.000.000.000)
3. Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	16.500.000.000
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		49.181.500.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.022.223.437	509.369.327
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		23.703.723.437	(990.630.673)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	6.600.000.000	6.600.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(6.600.000.000)	(6.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.197.469.463)	(320.629.994)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.465.293.716	822.433.660
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.1	267.824.253	501.803.666



Người lập biểu
Nguyễn Thị Thu Huyền



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thu Huyền



Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Chiến
Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 08 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025*

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0101612880 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21/02/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 26/05/2023.

Vốn điều lệ của Công ty là: 210.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm mười tỷ đồng*).

Công ty có đầu tư vào công ty con được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (Cùng với Công ty dưới đây đây gọi chung là "Công ty").

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2025 là 09 người (tại ngày 31/12/2024 là 06 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là Kinh doanh thương mại, đầu tư.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Trong kỳ, hoạt động chính của Công ty là:

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; bán buôn nông, lâm, thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại.

1.4. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5. Cấu trúc Doanh nghiệp

Tại ngày 30/06 Công ty có 01 công ty con và 04 Chi nhánh phụ thuộc như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Con				
Công ty Cổ phần Thương mại M&S	Hà Nội	96,61%	96,61%	Bán buôn hàng hóa các loại
Các đơn vị trực thuộc		Địa chỉ		Tình trạng hoạt động
CN Công ty Cổ phần Solavina tại Đắk Lắk		Số 185 Giải Phóng, Xã Krông Pắc, Đắk Lắk		Đang làm thủ tục đóng cửa Chi nhánh
CN Công ty Cổ phần Solavina tại Kon Tum		Thôn Măng Đen, Xã Đắk Long, Quảng Ngãi		Đã ngừng hoạt động, đóng mã số thuế
CN Công ty Cổ phần Solavina tại Đắk Nông		Tổ 2, đường Nguyễn Tất Thành, Phường Nam Gia Nghĩa, Lâm Đồng		Đang tạm ngừng kinh doanh
CN Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam		Tầng 15 tòa nhà Viwaseen, số 48 đường Tố Hữu, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội		Đang hoạt động

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 đảm bảo tính so sánh thông tin.

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty thực hiện lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo quy định.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN**2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Giả định hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

2.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**3.1. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

3.5. Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Máy móc và thiết bị

Số năm

05 – 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

3.8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

3.9. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đổi chi tiết theo nguyên tệ.

3.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

3.12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.14. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

3.15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	243.195.940	168.086.568
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.628.313	3.297.207.148
	267.824.253	3.465.293.716

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty TNHH Thương Mại Nông Sản Hồng Phong	2.176.587.500	-
Công ty TNHH New East West (i)	45.278.000.000	-
Lê Hải Châu	900.000.002	-
Cộng	48.354.587.502	-

(i): Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 30/06/2025/HĐCNCP-LL5 ngày 20/06/2025, tổ chức phát hành là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5, cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000/cổ phần, số lượng chuyển nhượng 6.340.000 cổ phần, giá chuyển nhượng 11.700 đồng/ cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng là 74.178.000.000 đồng.

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VBS	-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Foveris	4.500.000.000	7.500.000.000
Các đối tượng khác	733.500.000	47.500.000
	5.233.500.000	8.547.500.000

4.4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Hạ Quyết Chiến (i)	13.850.000.000	13.850.000.000
Đình Trường Giang (ii)	14.500.000.000	-
Hoàng Hải Trang (iii)	21.900.000.000	9.900.000.000
	50.250.000.000	23.750.000.000

(i): Theo hợp đồng cho vay số 01.2022/HĐVT ngày 20/05/2022 và các Phụ lục kèm theo, lãi suất 5%/năm, tài sản đảm bảo là 10 căn liền kề thuộc khu đô thị Nam 32, thị trấn Trầm Trôi, huyện Hoài Đức, Hà Nội theo Hợp đồng mua bán Bất động sản giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5 và ông Hạ Quyết Chiến.

(ii): Theo hợp đồng cho vay số 01.2025/HĐVT ngày 26/06/2025, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày nhận được tiền vay, lãi suất 5%/năm, tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 362, tờ bản đồ số 13, thôn 4, xã Xuân Quang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

(iii): Theo hợp đồng cho vay số 2012/2024/HĐVT ngày 26/11/2024 và phụ lục số 01 ký ngày 27/02/2025, thời hạn vay 09 tháng kể từ ngày 27/02/2025, lãi suất 5%/năm, tài sản đảm bảo là 02 Hợp đồng đặt cọc mua bất động sản tại Khu đô thị Nam 23, thị trấn Trầm Trôi, huyện Hoài Đức, Hà Nội theo Hợp đồng đặt cọc mua bán Bất động sản giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5 và bà Hoàng Hải Trang.

4.5. Phải thu khác

4.5.1. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	8.800.000.000	-	7.050.000.000	-
Lãi cho vay phải thu	1.521.623.288	-	320.849.315	-
Lãi hợp tác kinh doanh	1.250.000.000	-	1.000.000.000	-
Nguyễn Hồng Quang	-	-	1.009.440.135	-
Phùng Thế Tài (i)	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Đặt cọc thực hiện hợp đồng (ii)	27.700.000.000	-	-	-
Phạt tiền đặt cọc	-	-	289.640.069	-
Phải thu khác	28.994.240	-	28.994.240	-
	47.300.617.528	-	17.698.923.759	-

(i): Đặt cọc cho Ông Phùng Thế Tài theo thỏa thuận số 01/2024.TTHT ngày 24/06/2024 về việc nhận chuyển nhượng 25ha đất nông nghiệp tại thôn Hùng Tâm, xã Hùng An, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

(ii): Theo hợp đồng đặt cọc mua cổ phần số 2204/2025-HDDC ngày 22/04/2025, tổ chức phát hành là Công ty Cổ phần Cyan, số tiền đặt cọc là: 16 tỷ đồng cho 4.000.000 cổ phần dự kiến mua.

Theo hợp đồng đặt cọc mua phần vốn góp số 23.04/2025/HDDC ngày 23/04/2025, tổ chức phát hành là Công ty TNHH Đầu tư tài chính Mya Capital, số tiền đặt cọc là: 11,7 tỷ cho 23,4% giá trị phần vốn góp.

4.5.2. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	62.513.429	-	57.513.429	-
Công ty Cổ phần Foveris (i)	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
	10.062.513.429	-	10.057.513.429	-

(i): Phải thu Công ty Cổ phần Foveris theo Hợp đồng hợp tác số 0812/HĐHT ngày 08/12/2022, Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 12/06/2023 và Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 01/10/2023 ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Foveris. Công ty góp vốn là 10 tỷ VND để phục vụ công tác nghiên cứu, xúc tiến đến hoàn thiện các thủ tục pháp lý của 6,7 hecta diện tích Dự án trồng cây nông dược liệu và nuôi trồng

thủy sản tại thôn Hùng Tâm, xã Hùng An, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Công ty được hưởng 5% lợi nhuận trên số thực góp.

4.6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí công dụng cụ chờ phân bổ	212.681.029	8.136.402
	212.681.029	8.136.402

4.7. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, thiết bị VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư tại ngày đầu kỳ	182.263.636	182.263.636
- Mua trong kỳ	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư tại ngày cuối kỳ	182.263.636	182.263.636
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại ngày đầu kỳ	91.131.810	91.131.810
- Khấu hao trong kỳ	18.226.362	18.226.362
Số dư tại ngày cuối kỳ	109.358.172	109.358.172
Giá trị còn lại		
- Tại ngày Số đầu kỳ	91.131.826	91.131.826
- Tại ngày Số cuối kỳ	72.905.464	72.905.464
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:		
- Tại ngày Số đầu kỳ	-	-
- Tại ngày Số cuối kỳ	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a – DN/HN

4.8. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác	75.000.000.000	(20.888.560)	169.459.500.000	(22.683.391)
Công ty Cổ phần Cyan	75.000.000.000	(20.888.560)	(*)	(*)
Công ty Cổ phần Veridian (i)	-	-	21.550.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5 (ii)	-	-	72.909.500.000	(*)
	75.000.000.000	(20.888.560)	169.459.500.000	(22.683.391)

(*): Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

(i): Trong kỳ, Công ty đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Veridian theo nghị quyết số 08/2024/SVN/NQ-HĐQT ngày 25/12/2024 với đơn giá chuyển nhượng là 10.000 đồng/ cổ phần.

(ii): Trong kỳ, Công ty đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5 theo nghị quyết số 07/2024/SVN/NQ-HĐQT ngày 25/12/2024.

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư khác của Công ty:

Tên Công ty	Địa chỉ	% biểu quyết	% lợi ích	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cyan	Đường Thanh Niên, Khối phố Hà Quảng Đông, Phường Điện Bàn Đông, TP Đà Nẵng, Việt Nam	15%	15%	Kinh doanh bất động sản

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Thương mại VBS	2.224.320.000	2.224.320.000	-	-
Công ty TNHH Kiến trúc và Quảng cáo Kiến Việt	139.869.600	139.869.600	139.869.600	139.869.600
Công ty TNHH Thương mại sen Đại Việt	74.830.000	74.830.000	74.830.000	74.830.000
Các đối tượng khác	1.783.996.499	1.783.996.499	1.770.823.245	1.770.823.245
	4.223.016.099	4.223.016.099	1.985.522.845	1.985.522.845

4.10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Foveris	27.000.000	-
Cộng	27.000.000	-

4.11. Thuế và các khoản phải trả, phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	124.288.158	-	310.054.117	122.504.497	311.837.778	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	5.351.309	-	5.351.309	-
Các loại thuế khác	-	-	6.701.786	6.701.786	-	-
	124.288.158	-	322.107.212	129.206.283	317.189.087	-

Việc xác định nghĩa vụ thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về nghĩa vụ thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty kinh doanh mặt hàng nông sản nên không chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động của Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí lãi vay	8.001.370	9.438.904
Cộng	8.001.370	9.438.904

4.13. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Kinh phí công đoàn	39.710.450	39.710.450
Bảo hiểm xã hội	37.082.603	7.247.603
Bảo hiểm y tế	6.371.184	858.684
Bảo hiểm thất nghiệp	2.666.353	326.353
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	50.000.000
Các khoản phải trả khác	50.086.373	-
	135.916.963	98.143.090

4.14. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Số có khả năng trả nợ				Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	VND
Vay ngắn hạn	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (i)	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000
	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000

(i) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng tín dụng số 126/2024/HDTD/HHA ngày 24/05/2024 với tổng hạn mức tín dụng tối đa không quá 10.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay được cố định 3 tháng đầu 8,7%/năm và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Mục đích vay là để thanh toán tiền mua hàng hóa cho các nhà cung cấp đã đến hạn thanh toán. Số tiền vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ 3.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a – DN/HN

4.15. Vốn chủ sở hữu

4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông thiểu số VND	Cộng VND
Năm trước						
Số dư đầu năm trước	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	13.054.109.552	930.712.639	224.209.222.281
Tăng trong năm trước	-	-	-	461.640.326	5.703.468	467.343.794
Lãi trong năm trước	-	-	-	461.640.326	5.703.468	467.343.794
Số dư cuối năm trước	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	13.515.749.878	936.416.107	224.676.566.075
Kỳ này						
Số dư đầu kì này	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	13.515.749.878	936.416.107	224.676.566.075
Tăng trong kỳ này	-	-	-	1.226.559.603	9.075.021	1.235.634.624
Lãi trong kỳ này	-	-	-	1.228.808.346	9.886.278	1.238.694.624
Điều chỉnh thay đổi tỷ lệ lợi ích do tăng vốn	-	-	-	(2.248.743)	(811.257)	(3.060.000)
Số dư cuối kỳ này	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	14.742.309.481	945.491.128	225.912.200.699

4.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư tài chính MYA Capital	-	0,00%	20.000.000.000	9,52%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hoàng Gia Holding	-	0,00%	50.000.000.000	23,81%
Nguyễn Thị Nguyệt Anh	10.000.000.000	4,76%	-	0,00%
Lê Trịnh Minh Tuấn	10.000.000.000	4,76%	-	0,00%
Các cổ đông khác	190.000.000.000	90,48%	140.000.000.000	66,67%
	210.000.000.000	100%	210.000.000.000	100%

4.15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	210.000.000.000	210.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ	210.000.000.000	210.000.000.000

4.15.4. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000	21.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.000.000	21.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua, bán lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.000.000	21.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	26.052.968.400	41.876.230.700
Cộng	26.052.968.400	41.876.230.700

5.2. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng bán và cung cấp dịch vụ	25.822.215.800	41.491.761.170
Cộng	25.822.215.800	41.491.761.170

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.022.223.437	990.396.724
Lãi chuyển nhượng	1.268.500.000	-
Cộng	2.290.723.437	990.396.724

5.4. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	286.503.288	271.156.986
Hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư	(1.794.831)	-
Cộng	284.708.457	271.156.986

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	657.437.642	565.666.096
Chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng	42.675.468	12.566.158
Chi phí khấu hao TSCĐ	18.226.362	18.226.362
Chi phí thuế, phí và lệ phí	8.952.700	10.419.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	417.473.256	259.558.612
Chi phí bằng tiền khác	1.440.789	-
Cộng	1.146.206.217	866.436.228

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.6. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ tiền phạt cọc và phí giữ cọc	463.856.164	-
	463.856.164	-

5.7. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phạt vi phạm hành chính, chậm nộp	4.903.786	8.457.877
	4.903.786	8.457.877

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế TNDN (i)	237.923.761	53.724.354
Chi phí thuế TNDN tại các Công ty con (ii)	72.895.356	-
Cộng thuế TNDN ước tính phải nộp	310.819.117	53.724.354

(i) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại công ty mẹ trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.185.036.958	260.163.894
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.581.853	8.457.875
+) <i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	4.581.853	8.457.875
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.189.618.811	268.621.769
Thu nhập từ HĐKD được ưu đãi thuế suất 10%	-	-
Thu nhập từ HĐKD chịu thuế suất 20%	1.189.618.811	268.621.769
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	-	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	237.923.761	53.724.354

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(ii) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại công ty con trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	364.476.783	(31.348.731)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+) <i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	364.476.783	(31.348.731)
Thu nhập từ HĐKD được ưu đãi thuế suất 10%	-	-
Thu nhập từ HĐKD chịu thuế suất 20%	364.476.783	-
Thuê thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	-	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuê thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	72.895.356	-

5.9. Lãi cơ bản/Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.228.808.346	176.561.096
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.228.808.346	176.561.096
Số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	59	8
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	59	8

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	6.600.000.000	6.600.000.000
	6.600.000.000	6.600.000.000

6.2. Số tiền đi vay thực trả trong năm

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	6.600.000.000	6.600.000.000
	6.600.000.000	6.600.000.000

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC**7.1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

7.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.2.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lương, thưởng, thù lao	125.540.000	128.400.000
	125.540.000	128.400.000

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

7.2.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Danh sách bên liên quan khác

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cyan	Đà Nẵng	Công ty là cổ đông lớn trong kỳ
Công ty Cổ phần Veridian	Quảng Nam	Công ty là cổ đông lớn trong kỳ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5	Hà Nội	Công ty là cổ đông lớn trong kỳ

Trong kỳ Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

7.3. Thông tin về bộ phận

Trong 6 tháng đầu năm 2025, Công ty chỉ có doanh thu từ một ngành nghề kinh doanh là bán nông sản tại thị trường Việt Nam. Do đó Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

7.4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.



Người lập biểu
Nguyễn Thị Thu Huyền



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thu Huyền



Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Chiến
Hà Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 08 năm 2025